

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **207/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 07/4/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Duy

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lương Thị Trà My**-Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Thu T** sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp SC xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: **Anh Huỳnh Anh T1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp M xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Võ Thị Thu T trình bày:**

Chị T và anh T1 chung sống vợ chồng vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khi sinh con được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị T xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1. Về con chung có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc Gia T2 sinh năm 2007, khi ly hôn Chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia T2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Anh T1 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, không có bản tự khai cũng như ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của Chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị T và anh T1 quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2007, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khi sinh con được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị T trình bày là do bất đồng quan điểm và anh chị đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị T làm đơn xin ly hôn với anh T1. Do Chị T và anh T1 chung sống vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc Chị T xin ly hôn với anh T1 được xem xét giải quyết theo quy định Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Huỳnh Anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị T:

Tại phiên tòa, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1 lý do giữa chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2007, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân từ năm 2007 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Do Chị T và anh T1 chung sống vợ chồng từ năm 2007 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vi phạm Luật hôn nhân gia đình nên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp không công nhận chị Võ Thị Thu T và anh Huỳnh Anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Gia T2 sinh ngày 05/12/2007, khi ly hôn Chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tịnh, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét ý kiến của Chị T là phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu Tịnh tại bản ý kiến ngày 09/12/2021 là được ở với mẹ là Võ Thị Thu T, đồng thời từ khi ly thân đến nay cháu T2 do Chị T trực tiếp chăm sóc, do đó giao cháu T2 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất cho cháu và không làm ảnh hưởng tới cuộc sống ổn định của cháu T2, Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T xác định tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị T xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận Chị T và anh T1 là vợ chồng do anh chị chung sống vợ chồng vào năm 2007 mà không có đăng ký kết hôn theo qui định, về con chung đề nghị giao cháu T2 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp

Xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Võ Thị Thu T và anh Huỳnh Anh T1 là vợ chồng.

- Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Ngọc Gia T2 sinh ngày 05/12/2007 cho chị Võ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Huỳnh Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị T đã nộp theo biên lai số 0003599 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị T đã nộp xong án phí.

Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường